

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 19-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Vũ;

2. Ông Trần Hữu Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Đình Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/HSST-QĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Quang T**; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28/02/1991, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi thường trú: **Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Nơi ở hiện nay: **Số A đường P, tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; con ông **Lê Quang T1** và bà **Hồ Thị L**; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền sự: Không; Tiền án: Tại Bản án số 21/2011/HSST ngày 05/4/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xử phạt 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo chưa chấp hành xong quyết định của Bản án về phân trách nhiệm dân sự.

Nhân thân: Tại Bản án số 51/2016/HSST ngày 13/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xử phạt 01 năm tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; đã được xóa án tích.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt tạm giữ từ ngày 26/7/2023, đến ngày 01/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Bùi Xuân H**, sinh năm: 1986, trú tại: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Anh **Đình Văn T2**, sinh năm 1996, trú tại: **thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1987, trú tại: **thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Anh **Đình Công B**, sinh năm 1986, trú tại: **tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Chị **Đào Thị Kiều T3**, sinh năm 1979, trú tại: **tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Anh **Bùi Thái Đ**, sinh năm 1991, trú tại: **tổ dân phố F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Chị **Mạc Thị H1**, sinh năm 1998, trú tại: **tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Anh **Thái Minh T4**, sinh năm 2003, trú tại: **buôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Anh **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1994, trú tại: **thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;
- Chị **Nguyễn Thị Huyền T5**, trú tại: **tổ dân phố E, P. K. Tp ., tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2022, do không có việc làm, thu nhập ổn định và muốn nhanh có tiền để tiêu xài cá nhân nên **Lê Quang T**, sinh năm 1991, trú tại: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời; **T** sử dụng số tiền vốn 135.000.000 đồng, rồi cho người dân trên địa bàn **huyện E** vay tiền với lãi suất cao, bằng hình thức tiền đứng, với lãi suất từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất từ 146 %/năm đến 182,5 %/năm; thời hạn thu lãi 30 ngày thu tiền lãi một lần và thu trước 01 tháng tiền lãi, số tiền này được trừ vào tiền gốc mà khách đã vay của **T**; tiền lãi được thu đến khi nào khách vay trả xong tiền gốc thì kết thúc khoản vay. Khi khách có nhu cầu vay thì sẽ liên hệ với cho **T** qua số điện thoại 0911.470.123 và

0914.886.746 hoặc thông qua ứng dụng mạng xã hội Facebook Messenger có tên “Tới L1” để hỏi vay tiền. Sau khi thỏa thuận thì T sẽ gặp trực tiếp hoặc trao đổi qua điện thoại để thống nhất khoản vay và lãi suất. Tới yêu cầu người vay viết giấy vay mượn tiền và giữ các giấy tờ cá nhân như: Căn cước công dân, Giấy phép lái xe... của người vay. Để hoạt động cho người dân vay tiền với lãi suất cao, T thuê nhà tại địa chỉ: **số A đường P, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** để làm nơi ở và hoạt động cho vay tiền; Tới sử dụng xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu xanh, biển kiểm soát 47B2-203.77 để phục vụ hoạt động cho vay và thu tiền của khách. Khi đến ngày đóng lãi, T sẽ đến trực tiếp gặp người vay để thu tiền lãi hoặc yêu cầu người vay chuyển khoản vào số tài khoản 0911470123, mở tại **Ngân hàng Q (M)**, mang tên **Lê Quang T**.

Với cách thức như trên, trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023, **Lê Quang T** đã cho 07 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Anh **Bùi Xuân H**, sinh năm: 1986, trú tại: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 30/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **H** đã đóng được 60 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 3.000.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 328.767 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 3.000.000 đồng - 328.767 đồng = 2.671.233 đồng.

Lần 2: Tháng 5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **H** đã đóng được 40 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 2.000.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 219.178 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000 đồng - 219.178 đồng = 1.780.822 đồng.

Lần 3: Ngày 20/7/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất vay 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **H** đã đóng được 30 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 750.000 đồng; đã trả đủ 5.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 750.000 đồng - 82.192 đồng = 667.808 đồng.

Như vậy, với việc cho anh **H** vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng thì **T** đã thu lợi bất chính tổng số tiền là: 5.750.000 đồng - 630.137 đồng = 5.119.863 đồng.

2. Anh **Đình Văn T2**, sinh năm 1996, trú tại: **thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 01 lần: Ngày 15/03/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 146%/năm), khoản vay này anh **T2** đã đóng được 90 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 7.200.000 đồng; đã trả đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 986.301 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 7.200.000 đồng - 986.301 đồng = 6.213.699 đồng.

3. Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1987, trú tại: **thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 15/01/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **A** đã đóng được 210 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 10.500.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 1.150.685 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 10.500.000 đồng - 1.150.685 đồng = 9.349.315 đồng.

Lần 2: Ngày 20/3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **A** đã đóng được 150 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 7.500.000 đồng; còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 821.918 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 7.500.000 đồng - 821.918 đồng = 6.678.082 đồng.

Như vậy, với việc cho anh **A** vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng thì **T** đã thu lợi bất chính tổng số tiền là: 18.000.000 đồng - 1.972.603 đồng = 16.027.397 đồng. Anh **A** còn nợ bị cáo số tiền gốc là: 10.000.000 đồng.

4. Anh **Đình Công B**, sinh năm 1986, trú tại: **tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 21/01/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 146%/năm), khoản vay này anh **B** đã đóng được 60 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 2.400.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 328.767 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 2.400.000 đồng - 328.767 đồng = 2.071.233 đồng.

Lần 2: Ngày 23/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 146%/năm), khoản vay này anh **B** đã đóng được 60 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 2.400.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 2.400.000 đồng - 328.767 đồng = 2.071.233 đồng.

Lần 3: Ngày 11/7/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 146%/năm), khoản vay này anh **B** đã đóng được 30 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 1.200.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng, **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 1.200.000 đồng - 164.384 đồng = 1.035.616 đồng.

Như vậy, với việc cho anh **B** vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng thì **T** đã thu lợi bất chính tổng số tiền là: 6.000.000 đồng - 821.918 đồng = 5.178.082 đồng.

5. Chị **Đào Thị Kiều T3**, sinh năm 1979, trú tại: **tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 01 lần: tháng 03/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản

vay này chị **T3** đã đóng được 60 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 1.500.000 đồng; còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng. **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 1.500.000 đồng - 164.384 đồng = 1.335.616 đồng.

6. Anh **Bùi Thái Đ**, sinh năm 1991, trú tại: **tổ dân phố F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 02 lần:

Lần 1: Tháng 8/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **Đ** đã đóng được 120 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 6.000.000 đồng; còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 657.534 đồng, nên **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 6.000.000 đồng - 657.534 đồng = 5.342.466 đồng.

Lần 2: Tháng 11/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này anh **Đ** đã đóng được 142 ngày với số tiền lãi đã đóng là 3.550.000 đồng; còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 389.041 đồng, nên **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 3.550.000 đồng - 389.041 đồng = 3.160.959 đồng.

Như vậy, với việc cho anh **Đ** vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng thì **T** đã thu lợi bất chính tổng số tiền là: 9.550.000 đồng - 1.046.575 đồng = 8.503.425 đồng. Anh **Đ** còn nợ bị cáo tổng số tiền gốc là: 15.000.000 đồng.

7. Chị **Mạc Thị H1**, sinh năm 1998, trú tại: **tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 04/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này chị **H1** đã đóng được 120 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 6.000.000 đồng; đã trả đủ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 657.534 đồng, nên **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 6.000.000 đồng - 657.534 đồng = 5.342.466 đồng.

Lần 2: Ngày 06/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 182,5%/năm), khoản vay này chị **H1** đã đóng được 120 ngày, với số tiền lãi đã đóng là 6.000.000 đồng; còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 657.534 đồng, nên **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 6.000.000 đồng - 657.534 đồng = 5.342.466 đồng.

Như vậy, với việc cho chị **H1** vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng thì **T** đã thu lợi bất chính tổng số tiền là: 12.000.000 đồng - 1.315.068 đồng = 10.684.932 đồng. Chị **H1** còn nợ bị cáo tổng số tiền gốc là: 10.000.000 đồng.

Tổng cộng, **Lê Quang T** đã cho 07 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay 135.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu là 60.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay từ 146%/năm đến 182,5%/năm; tổng lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 6.936.986 đồng; **T** đã thu lợi bất chính số tiền: 60.000.000 đồng - 6.936.986 đồng = 53.063.014 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu, đồ vật gồm: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, mang tên **Đinh Văn T2**, sinh năm 1996; 01 Căn cước công dân số 066202008576, mang tên **Trần Thanh T6**; 01 Căn cước công dân số 066190014665, mang tên **Phạm Thị N**; 01 Chứng minh nhân dân số 241387491, mang tên **Thái Minh T4**; 01 Căn cước công dân số 066203016752, mang tên **Nguyễn Văn Đ1**; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**; 01 giấy mượn tiền của **Nguyễn Duy K**; 23 tờ giấy được cắt ra từ sổ tay có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**; 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu xanh dương, biển kiểm soát 47B2-203.77, số máy: VLF1P50FMG; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xám đen, số Imei 1: 354703574389402, Imei 2: 354703754382076, gắn sim số 0914.886.746 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số Imei: 355849081751886, gắn sim số 0911.470.123.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023, bị cáo đã cho 07 người vay tiền với lãi suất cao so với quy định, cụ thể bị cáo gồm cho anh **H** vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng, anh **Đinh Văn T2** vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng, anh **Nguyễn Văn A** vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng, anh **Đinh Công B** vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng, chị **Đào Thị Kiều T3** vay tổng số tiền là 5.000.000 đồng, anh **Bùi Thái Đ** vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng, chị **Mạc Thị H1** vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã cho 07 người nói trên vay là 135.000.000 đồng, mức lãi suất bị cáo cho những người trên vay dao động từ 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày; Bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 53.063.014 đồng.

Cáo trạng số 84/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H' Leo truy tố bị cáo **Lê Quang T** về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản cáo trạng số 84/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quang T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lê Quang T** từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự **Công an huyện Ea H'Leo** nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa

phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo số tiền 40.000.000 đồng, sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 101.936.986 đồng, là tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm), mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Truy thu từ bị cáo 53.063.014 đồng, là số tiền bị cáo thu lợi bất chính; để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau: Trả lại cho anh **Bùi Xuân H**, số tiền 5.119.863 đồng; trả lại cho anh **Đinh Văn T2** số tiền 6.213.699 đồng; trả lại cho anh **Nguyễn Văn A** số tiền 16.027.397 đồng; trả lại cho anh **Đinh Công B** số tiền 5.178.082 đồng; trả lại cho chị **Đào Thị Kiều T3**, số tiền 1.335.616 đồng; trả lại cho anh **Bùi Thái Đ** số tiền 8.503.425 đồng và trả lại cho chị **Mạc Thị H1** số tiền 10.684.932 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 40.000.000 đồng đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo, cụ thể: **Nguyễn Văn A**, số tiền 10.000.000 đồng; **Đào Thị Kiều T3**, số tiền 5.000.000 đồng; **Bùi Thái Đ**, số tiền 15.000.000 đồng; **Mạc Thị H1**, số tiền 10.000.000 đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu xanh dương, biển kiểm soát 47B2-203.77, số máy: VLF1P50FMG; là công cụ, phương tiện **Lê Quang T** sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xám đen, số Imei 1: 354703574389402, Imei 2: 354703754382076 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số I: 355849081751886, là công cụ, phương tiện **Lê Quang T** sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án đối với 01 cuốn sổ màu đen bên trong có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**; 01 giấy mượn tiền của **Nguyễn Duy K** và 23 tờ giấy được cắt ra từ sổ tay có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**, đây là chứng cứ, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số 0914.886.746 và sim số 0911.470.123, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra xử lý vật chứng trả lại 01 Căn cước công dân số 066202008576 cho **Trần Thanh T6**, trả lại 01 Căn cước công dân số 066190014665 cho **Phạm Thị N**.

- Trả lại cho anh **Đinh Văn T2** 01 Giấy phép lái xe hạng A1, trả lại cho anh **Thái Minh T4** 01 Chứng minh nhân dân số 241387491, trả lại cho anh **Văn Đ1** 01 Căn cước công dân số 066203016752.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án mà không yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tham gia phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Vì việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục phiên tòa.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023, tại địa bàn **huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; **Lê Quang T** đã cho 07 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 135.000.000 đồng, lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm; tổng số tiền lãi đã thu là 60.000.000 đồng, tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước tại thời điểm cho vay là 6.936.986 đồng; bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 53.063.014 đồng.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

“1. *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”.

Như vậy, thông qua các giao dịch dân sự, bị cáo đã cho những người dân vay tiền với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính với số tiền trên. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại Điều luật nêu trên quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; Đồng thời, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Song, do ý thức coi thường pháp luật, muốn có nguồn thu nhập bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về nhân thân: Năm 2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo xử phạt 01 năm tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, như đã nêu ở phần căn cước

[3.2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử sẽ xem xét, áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[3.3]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 21/2011/HSST ngày 05/4/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo xử phạt 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo chưa chấp hành xong về phần trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của Bản án, chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Do đó, không cần thiết phải cách lý các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo. Nhận thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khâu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4.2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo kéo dài trong một thời gian với nhiều người vay khác nhau. Do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS; Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. Các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu xanh dương, biển kiểm soát 47B2-203.77, số máy: VLF1P50FMG; do chị **Nguyễn Thị Huyền T5**, sinh năm 1990, trú tại: **tổ dân phố E, phường K, thành phố B** đứng tên chủ sở hữu; chị **T5** đã bán lại cho **Lê Quang T** nhưng chưa sang tên trên giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy; đây là công cụ, phương tiện **Lê Quang T** sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xám đen, số Imei 1: 354703574389402, Imei 2: 354703754382076 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, **số I**: 355849081751886, là công cụ, phương tiện **Lê Quang T** sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 cuốn sổ màu đen bên trong có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**; 01 giấy mượn tiền của **Nguyễn Duy K** và 23 tờ giấy được cắt ra từ sổ tay có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**, đây là chứng cứ, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội nên cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án, để phục vụ cho hoạt động xét xử.

Đối với các sim số 0914.886.746 và 0911.470.123, bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 Căn cước công dân số 066202008576, mang tên **Trần Thanh T6** và 01 Căn cước công dân số 066190014665, mang tên **Phạm Thị N**, đây là giấy tờ chứng minh nhân thân của **Trần Thanh T6** và **Phạm Thị N**; Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện E** đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho **Trần Thanh T6** và **Phạm Thị N** là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên **Đinh Văn T2**, sinh năm 1996; 01 Chứng minh nhân dân số 241387491 mang tên **Thái Minh T4**; 01 Căn cước công dân số 066203016752 mang tên **Nguyễn Văn Đ1** là giấy tờ tùy thân và giấy tờ chứng minh nhân thân của anh **Đinh Văn T2**, anh **Thái Minh T4**, anh **Nguyễn Văn Đ1** nên cần trả lại cho anh **T2**, anh **T4** và anh **Đ1**.

Đối với số tiền 101.936.986 đồng, là tiền nợ gốc và tiền lãi thu theo quy định của Nhà nước (20%/năm), mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cần truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu từ bị cáo 53.063.014 đồng, là tiền bị cáo đã thu lợi bất chính của những người đã vay tiền của bị cáo, để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau: Trả lại cho anh **Bùi Xuân H** số tiền 5.119.863 đồng, trả lại cho anh **Đinh Văn T2** số tiền 6.213.699 đồng, trả lại cho anh **Nguyễn Văn A** số tiền 16.027.397 đồng, trả lại cho anh **Đinh Công B** số tiền

5.178.082 đồng, trả lại cho chị **Đào Thị Kiều T3** số tiền 1.335.616 đồng, trả lại cho anh **Bùi Thái Đ** số tiền 8.503.425 đồng và trả lại cho chị **Mạc Thị H1** số tiền 10.684.932 đồng.

Đối với 40.000.000 đồng nợ gốc mà những người đã vay chưa trả cho bị cáo, gồm: **Nguyễn Văn A** số tiền 10.000.000 đồng, **Đào Thị Kiều T3** số tiền 5.000.000 đồng, **Bùi Thái Đ** số tiền 15.000.000 đồng, **Mạc Thị H1** số tiền 10.000.000 đồng, là tiền bị cáo dùng vào mục đích phạm tội nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quang T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2]. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lê Quang T** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 26/7/2023 đến ngày 01/8/2023). Một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự **Công an cấp huyện Ea H’Leo** nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** giám sát, giáo dục bị cáo; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[3]. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu xanh dương, biển kiểm soát 47B2-203.77, số máy: VLF1P50FMG là công cụ, phương tiện **Lê Quang T** sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xám đen, số Imei 1: 354703574389402, Imei 2: 354703754382076 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số I: 355849081751886, là công cụ, phương tiện **Lê Quang T** sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 cuốn sổ màu đen bên trong có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**; 01 giấy mượn tiền của **Nguyễn Duy K** và 23 tờ giấy được cắt ra từ sổ tay có nội dung thể hiện việc hoạt động cho vay mượn tiền của **Lê Quang T**, đây là chứng cứ, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số 0914.886.746 và 0911.470.123, bị can sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra xử lý vật chứng trả lại 01 Căn cước công dân số 066202008576 cho **Trần Thanh T6** và 01 Căn cước công dân số 066190014665 cho **Phạm Thị N**.

Trả lại cho anh **Đinh Văn T2** 01 Giấy phép lái xe hạng A1, trả lại cho anh **Thái Minh T4** 01 Chứng minh nhân dân số 241387491, Trả lại cho anh **Nguyễn Văn Đ1** 01 Căn cước công dân số 066203016752, mang tên **Nguyễn Văn Đ1**; **Thái Minh T4** Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã.

(Đặc điểm vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng được lưu tại hồ sơ vụ án).

- Truy thu từ bị cáo sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 101.936.986 đồng, là tiền nợ gốc và tiền lãi thu theo quy định của Nhà nước (20%/năm), mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Truy thu từ bị cáo sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 53.063.014 đồng, là số tiền bị cáo thu lợi bất chính, để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Trả lại cho anh **Bùi Xuân H** số tiền 5.119.863 đồng, trả lại cho anh **Đinh Văn T2** số tiền 6.213.699 đồng, trả lại cho anh **Nguyễn Văn A** số tiền 16.027.397 đồng, trả lại cho anh **Đinh Công B** số tiền 5.178.082 đồng, trả lại cho chị **Đào Thị Kiều T3** số tiền 1.335.616 đồng, trả lại cho anh **Bùi Thái Đ** số tiền 8.503.425 đồng và trả lại cho chị **Mạc Thị H1** số tiền 10.684.932 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 40.000.000 đồng đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo, cụ thể: **Nguyễn Văn A** số tiền 10.000.000 đồng, **Đào Thị Kiều T3** số tiền 5.000.000 đồng, **Bùi Thái Đ** số tiền 15.000.000 đồng và **Mạc Thị H1** số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Lê Quang T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Công an huyện Ea H'Leo;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ
- UBND xã E;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Phụng